

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 119/2008/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2008

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về đặt tên một số đường phố ở thành phố Tuy Hòa năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**  
**KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Sau khi xem xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Đề án đặt tên một số đường phố ở thành phố Tuy Hòa năm 2008; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án đặt tên 43 đường phố ở thành phố Tuy Hòa năm 2008 (danh mục theo văn bản đính kèm).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2008./.

**CHỦ TỊCH**

**Đào Tấn Lộc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH PHÚ YÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Đặt tên một số đường ở thành phố Tuy Hòa năm 2008**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2008/NQ-HĐND  
ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Đường số 5A (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 16 mét, dài 1.850 mét) đặt tên đường **Trần Hào**.
2. Đường N5 (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.760 mét) đặt tên đường **An Dương Vương**.
3. Đường nội bộ số 1 (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 5A; rộng 12 mét, dài 248,5 mét) đặt tên đường **Chi Lăng**.
4. Đường nội bộ số 2 (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 5A; rộng 12 mét, dài 248,5 mét) đặt tên đường **Chí Linh**.
5. Đường nội bộ số 3 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Nguyễn Mỹ**.
6. Đường nội bộ số 4 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Lưu Văn Liêu**.
7. Đường nội bộ số 5 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Nguyễn Hoa**.
8. Đường nội bộ số 6 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Trần Rịa**.
9. Đường N6 (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.800 mét) đặt tên đường **Lý Nam Đế**.
10. Đường N7 (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.950 mét) đặt tên đường **Trần Nhân Tông**.
11. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp đường Trường Chinh; rộng 16 mét, dài 570 mét) đặt tên đường **Tuệ Tĩnh**.
12. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp đường Trường Chinh; rộng 16 mét, dài 570 mét) đặt tên đường **Phù Đổng**.
13. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường An Dương Vương mới, song song với đường Hùng Vương, điểm cuối giáp đường Trần Phú; rộng 16 mét, dài 5.400 mét) đặt tên đường **Nguyễn Văn Huyền**.
14. Đường số 9A (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 30 mét, dài 1.000 mét) đặt tên đường **Hoàng Văn Thụ**.

15. Đường số 9B (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 16 mét, dài 900 mét) đặt tên đường **Phan Đăng Lưu**.
16. Đường số 10 (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.050 mét) đặt tên đường **Tổ Hữu**.
17. Đường số 10A (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 1.350 mét) đặt tên đường **Nguyễn Đức Cảnh**.
18. Đường số 10B (điểm đầu giáp đường Trường Chinh, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 820 mét) đặt tên đường **Văn Cao**.
19. Đường số 11A (điểm đầu giáp đường QH 16 mét, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 520 mét) đặt tên đường **Lê Đài**.
20. Đường số 11B (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp đường QH 16 mét; rộng 16 mét, dài 225 mét) đặt tên đường **Lương Định Của**.
21. Đường số 13 (điểm đầu giáp đường QH 16 mét, điểm cuối giáp đường QH 25 mét; rộng 16 mét, dài 975 mét) đặt tên đường **Võ Trứ**.
22. Đường QH 13,5 mét (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp đường QH 16 mét; rộng 13,5 mét, dài 225 mét) đặt tên đường **Nơ Trang Long**.
23. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 14; rộng 16 mét, dài 1.580 mét) đặt tên đường **Hà Huy Tập**.
24. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 14; rộng 16 mét, dài 1.580 mét) đặt tên đường **Tân Trào**.
25. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối giáp đường QH 16 mét; rộng 16 mét, dài 2.350 mét) đặt tên đường **Nguyễn Hào Sự**.
26. Đường QH 20 mét (điểm đầu giáp đường số 9B, điểm cuối giáp đường số 7A; rộng 20 mét, dài 2.390 mét) đặt tên đường **Trần Suyền**.
27. Đường QH 12 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối giáp đường số 9A; rộng 12 mét, dài 1.050 mét) đặt tên đường **Phạm Ngọc Thạch**.
28. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường số 10A, điểm cuối giáp đường số 9A; rộng 16 mét, dài 650 mét) đặt tên đường **Nguyễn Thế Bảo**.
29. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực, điểm cuối giáp đường vành đai; rộng 16 mét, dài 300 mét) đặt tên đường **Trương Định**.
30. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường Nguyễn Trung Trực; rộng 16 mét, dài 230 mét) đặt tên đường **Tây Sơn**.
31. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường vành đai; rộng 16 mét, dài 400 mét) đặt tên đường **Lương Thế Vinh**.

32. Đường số 10 (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường vành đai; rộng 25 mét, dài 450 mét) đặt tên đường **Nguyễn Bình Khiêm**.
33. Tỉnh lộ 7 (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường Hải Dương; rộng 16 mét, dài 1.350 mét) đặt tên đường **Trần Quang Khải**.
34. Xã lộ 21 (điểm đầu giáp Tỉnh lộ 7, điểm cuối giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A; rộng 16 mét, dài 2.600 mét) đặt tên đường **Côn Sơn**.
35. Xã lộ 22 (điểm đầu giáp Tỉnh lộ 7, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 1.000 mét) đặt tên **Mạc Thị Bưởi**.
36. Đường số 7 (điểm đầu giáp đường Lê Trung Kiên, điểm cuối giáp đường Nguyễn Thái Học; rộng 16 mét, dài 700 mét) đặt tên đường **Hàm Nghi**.
37. Đường số 8 (điểm đầu giáp đường Lê Trung Kiên, điểm cuối giáp đường Nguyễn Trãi nói dài; rộng 20 mét, dài 1.300 mét) đặt tên đường **Mai Xuân Thưởng**.
38. Đường số 8A (điểm đầu giáp đường Lê Thành Phương, điểm cuối giáp đường Nguyễn Trãi nói dài; rộng 12 mét, dài 900 mét) đặt tên đường **Cần Vương**.
39. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Duy Tân, điểm cuối giáp đường Lương Văn Chánh; rộng 16 mét, dài 110 mét) đặt tên đường **Thành Thái**.
40. Đường QH 12 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giáp đường Lý Thường Kiệt; rộng 12 mét, dài 240 mét) đặt tên đường **Trần Mai Ninh**.
41. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp đường Bà Triệu; rộng 16 mét, dài 170 mét) đặt tên đường **Hồ Xuân Hương**.
42. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Lý Thái Tổ, điểm cuối giáp đường Nguyễn Công Trứ; rộng 16 mét, dài 300 mét) đặt tên đường **Trần Nhật Duật**.
43. Xã lộ 19 (điểm đầu giáp đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành; rộng 16 mét, dài 5.400 mét) đặt tên đường **Mậu Thân**.

**CHỦ TỊCH**

**Đào Tấn Lộc**